



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP  
ĐOÀN  
MASAN**

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH,  
L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ  
PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.  
1=MST:0303576603  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location  
here  
Date: 2025-03-03 11:33:18  
Foxit Reader Version: 9.7.2





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

## THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 5 tháng 7 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên
	(đến ngày 8 tháng 10 năm 2024)
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc

### Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

### Người đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Danny Le	Tổng Giám đốc

### Trụ sở đăng ký

23 Đường Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu nếu có đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo tài chính riêng này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Danny Le  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01114-25-1



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.244.263.759.717</b>	<b>5.965.210.210.597</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.444.859.654.047</b>	<b>791.299.250.695</b>
Tiền	111		697.658.111.995	601.299.250.695
Các khoản tương đương tiền	112		747.201.542.052	190.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>127.303.524.695</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	127.303.524.695	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.570.347.326.810</b>	<b>5.095.126.640.513</b>
Trả trước cho người bán	132		1.309.976.905	36.200.516.378
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(a)	5.039.688.000.000	4.841.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	529.349.349.905	217.626.124.135
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>101.753.254.165</b>	<b>78.784.319.389</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		874.374.591	366.808.635
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.739.743.917	10.278.375.097
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	153		68.139.135.657	68.139.135.657
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.321.118.866.270</b>	<b>45.560.390.550.305</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.630.349.520.886</b>	<b>25.810.501.284.306</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6(b)	18.053.345.779.967	22.418.845.779.967
Phải thu dài hạn khác	216	6(d)	4.577.003.740.919	3.391.655.504.339
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.928.314.177</b>	<b>6.529.038.799</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	3.685.397.510	6.529.038.799
Nguyên giá	222		51.443.824.805	52.374.616.405
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.758.427.295)	(45.845.577.606)
Tài sản cố định vô hình	227		242.916.667	-
Nguyên giá	228		4.962.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.719.206.236)	(4.697.122.903)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.384.673.471</b>	<b>-</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	8	28.384.673.471	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>22.428.202.077.636</b>	<b>19.435.202.077.636</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	18.049.365.000.000	15.056.365.000.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	5(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>230.254.280.100</b>	<b>308.158.149.564</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	230.254.280.100	308.158.149.564
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>52.565.382.625.987</b>	<b>51.525.600.760.902</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.081.293.864.391</b>	<b>29.930.061.111.439</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.984.456.318.736</b>	<b>6.120.501.603.741</b>
Phải trả người bán	311		87.687.391.693	19.667.423.258
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		15.103.367.411	3.123.881.174
Phải trả nhân viên	314		49.538.702	49.538.702
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10(a)	356.661.046.671	571.572.318.447
Phải trả ngắn hạn khác	319	11(a)	8.253.474.259	3.680.025.942.160
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	12	2.516.701.500.000	1.846.062.500.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.096.837.545.655</b>	<b>23.809.559.507.698</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	10(b)	55.061.479.450	15.614.360.274
Phải trả dài hạn khác	337	11(b)	1.500.000.000.000	2.265.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	12	19.541.776.066.205	21.528.945.147.424
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28.484.088.761.596</b>	<b>21.595.539.649.463</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>28.484.088.761.596</b>	<b>21.595.539.649.463</b>
Vốn cổ phần	411	14	15.129.280.870.000	14.308.434.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	14.164.557.503.261	8.723.077.701.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414	16	(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		885.588.570.903	259.366.070.952
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		259.366.070.952	371.660.953.096
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	421b		626.222.499.951	(112.294.882.144)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>52.565.382.625.987</b>	<b>51.525.600.760.902</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.511.862.549.360	3.377.401.068.660
Chi phí tài chính	22	19	2.470.921.222.731	3.208.275.795.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.296.519.101.787	2.937.412.062.089
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	415.229.971.727	323.448.503.392
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>625.711.354.902</b>	<b>(154.323.230.648)</b>
Thu nhập khác	31		511.145.049	42.028.348.504
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>	<b>40</b>		<b>511.145.049</b>	<b>42.028.348.504</b>
<b>Lợi nhuận kế toán/(lỗ) trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>626.222.499.951</b>	<b>(112.294.882.144)</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	21	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>626.222.499.951</b>	<b>(112.294.882.144)</b>

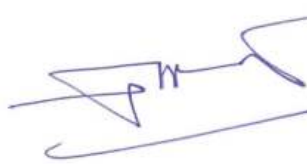
Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>626.222.499.951</b>	<b>(112.294.882.144)</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>				
Khấu hao	02		3.001.724.622	4.510.996.157
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	15.787.535.380
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.511.472.955.178)	(3.376.204.268.660)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		2.467.974.631.753	3.146.720.144.643
			<hr/>	<hr/>
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(414.274.098.852)</b>	<b>(321.480.474.624)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(55.852.430.195)	(94.718.081.323)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		88.741.278.287	(3.423.497.926)
Biến động các khoản trả trước	12		649.194.012	(3.021.295.274)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	100.229.315.000
			<hr/>	<hr/>
			<b>(380.736.056.748)</b>	<b>(322.414.034.147)</b>
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14		(2.553.673.547.592)	(3.228.296.585.803)
			<hr/>	<hr/>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.934.409.604.340)</b>	<b>(3.550.710.619.950)</b>
			<hr/>	<hr/>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.557.204.883)	(1.989.145.792)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		499.154.849	-
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(10.178.743.524.695)	(8.028.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		14.218.552.000.000	15.802.535.383.338
Tiền chi cho các khoản đầu tư vốn	25		(2.993.000.000.000)	(7.131.621.000.000)
Tiền thu từ nhận ứng trước và các khoản thanh toán nhận được từ các thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần	26		-	2.030.991.202.463
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27		2.062.955.470.239	1.582.365.933.676
			<hr/>	<hr/>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.100.705.895.510</b>	<b>4.254.182.373.685</b>
			<hr/>	<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN**

**Mẫu số B 03 – DN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ đi các khoản thanh toán cho chi phí giao dịch liên quan	31		6.262.326.612.182	71.136.230.000
Tiền thu từ vay, phát hành trái phiếu và khác	33		5.515.446.576.000	26.076.659.767.850
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và khác	34		(11.290.509.076.000)	(27.326.868.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>487.264.112.182</b>	<b>(1.179.072.002.150)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>653.560.403.352</b>	<b>(475.600.248.415)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>791.299.250.695</b>	<b>1.266.804.918.233</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	94.580.877
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>1.444.859.654.047</b>	<b>791.299.250.695</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư trên quy mô tập đoàn và cho Công ty và các công ty thành viên.

Công ty sở hữu vốn trong các công ty con sở hữu trực tiếp, các công ty con sở hữu gián tiếp và các công ty liên kết (sau đây được gọi chung là “các công ty thành viên”), và thông qua các công ty này để tư vấn, và quản lý hoạt động kinh doanh ở các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là “Công ty và các công ty thành viên”).

Doanh thu và thu nhập của Công ty đến từ hoạt động tư vấn quản lý và quản lý các khoản đầu tư tại các công ty thành viên trong Tập đoàn bao gồm các khoản thu nhập cổ tức được nhận từ các công ty thành viên, các khoản tiền lãi từ việc cho các công ty thành viên vay, lãi từ việc chuyển nhượng các công cụ tài chính và lãi từ việc chuyển nhượng vốn hoặc cổ phần của các công ty thành viên trong Tập đoàn và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

**(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Nhân sự Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 111 nhân viên (1/1/2024: 98 nhân viên).

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**(e) Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**(e) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

**(ii) *Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) *Chi phí đi vay trả trước***

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian vay.

**(ii) *Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(j) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

**(l) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**(ii) Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại**

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này có mức cổ tức tùy theo quyết định của Công ty, không có nghĩa vụ chuyển giao tiền hay tài sản tài chính khác và không có yêu cầu phải thanh toán bằng một số lượng có thể thay đổi công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty. Do đó cổ tức tùy theo quyết định của Công ty được ghi nhận là phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của các cổ đông của Công ty.

**(iii) Thặng dư vốn cổ phần**

Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(iv) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**(m) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi chứng khoán kinh doanh, lãi cho vay; và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, trái phiếu và các khoản đặt cọc; chi phí vay và phát hành trái phiếu được phân bổ (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(q) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

## 4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	697.658.111.995	601.299.250.695
Các khoản tương đương tiền	747.201.542.052	190.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1.444.859.654.047</u>	<u>791.299.250.695</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền và các khoản tương đương tiền với giá trị ghi sổ là 177.989 triệu VND (1/1/2024: 281.548 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

## 5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	127.303.524.695	-
	<hr/>	<hr/>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào các công ty con (b)	18.049.365.000.000	15.056.365.000.000
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	<hr/>	<hr/>
	<u>22.428.202.077.636</u>	<u>19.435.202.077.636</u>

## (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 127.304 triệu VND (1/1/2024: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2024					1/1/2024				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND (**)	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND (**)	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH The SHERPA ("SHERPA")	100%	100%	15.466.355.000.000	-	(*)	100%	100%	14.956.355.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Zenith Investment ("Zenith")	100%	100%	2.583.010.000.000	-	(*)	100%	100%	100.010.000.000	-	(*)
			<u>18.049.365.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>			<u>15.056.365.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(\*\*) Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào các công ty con được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được mô tả trong Thuyết minh 3(c)(iii). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, giá trị của các khoản đầu tư này được đánh giá là không bị suy giảm, do đó không có khoản dự phòng nào được trích lập.

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	SHERPA VND	Zenith VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	14.956.355.000.000	100.010.000.000	15.056.365.000.000
Tăng trong năm	510.000.000.000	2.483.000.000.000	2.993.000.000.000
Số dư cuối năm	<u>15.466.355.000.000</u>	<u>2.583.010.000.000</u>	<u>18.049.365.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	31/12/2024					1/1/2024				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,8%	14,8%	4.378.837.077.636	-	25.848.754.100.700	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	16.673.232.868.200

Trong năm, Techcombank đã phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong Techcombank giảm từ 14,9% xuống 14,8%.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>		
■ Công ty TNHH The SHERPA	4.495.350.000.000	1.559.600.000.000
■ Công ty TNHH Zenith Investment	-	353.200.000.000
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>		
■ Công ty Cổ phần Mobicast	304.500.000.000	17.500.000.000
■ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	239.838.000.000	616.500.000.000
■ Công ty Cổ phần Masan Blue	-	1.661.500.000.000
■ Công ty TNHH Vonfram Masan	-	600.000.000.000
■ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	-	33.000.000.000
	5.039.688.000.000	4.841.300.000.000
	5.039.688.000.000	4.841.300.000.000

Các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay tương ứng. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay.

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>		
■ Công ty Cổ phần Masan Blue	18.053.345.779.967	22.198.845.779.967
■ Công ty Cổ phần Mobicast	-	220.000.000.000
	18.053.345.779.967	22.418.845.779.967
	18.053.345.779.967	22.418.845.779.967

Các khoản cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay tương ứng. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

## 6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

## (c) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi phải thu từ các công ty con (*)		
▪ Công ty TNHH The SHERPA, một công ty con sở hữu trực tiếp	113.143.607.669	38.198.104.114
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	6.357.349.726	21.959.465.747
▪ Công ty TNHH Vonfram Masan, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	56.203.958.904
▪ Các công ty con khác	50.864.893.147	8.081.793.698
Lãi phải thu từ ngân hàng	3.776.686.186	-
Phải thu khác từ các công ty con (**)		
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco, một công ty con sở hữu gián tiếp	213.665.000.000	-
▪ Các công ty con khác	97.789.392.227	48.838.523.870
Ký quỹ ngắn hạn	232.000.000	456.965.000
Phải thu khác	43.520.420.950	43.887.312.802
	<u>529.349.349.905</u>	<u>217.626.124.135</u>

## (d) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi phải thu từ các công ty con (*)		
▪ Công ty Cổ phần Masan Blue, một công ty con sở hữu gián tiếp	4.571.229.756.112	3.360.269.366.316
▪ Công ty Cổ phần Mobicast, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	26.306.273.971
Ký quỹ dài hạn	5.773.984.807	5.079.864.052
	<u>4.577.003.740.919</u>	<u>3.391.655.504.339</u>

(\*) Lãi phải thu ngắn hạn và dài hạn từ các công ty con không có đảm bảo và phải thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay tương ứng.

(\*\*) Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu theo yêu cầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	35.681.203.528	10.074.389.422	6.619.023.455	52.374.616.405
Tăng trong năm	-	136.000.000	-	136.000.000
Thanh lý	(1.066.791.600)	-	-	(1.066.791.600)
Số dư cuối năm	34.614.411.928	10.210.389.422	6.619.023.455	51.443.824.805
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	33.176.480.855	9.407.246.027	3.261.850.724	45.845.577.606
Khấu hao trong năm	1.445.218.142	431.252.572	1.103.170.575	2.979.641.289
Thanh lý	(1.066.791.600)	-	-	(1.066.791.600)
Số dư cuối năm	33.554.907.397	9.838.498.599	4.365.021.299	47.758.427.295
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	2.504.722.673	667.143.395	3.357.172.731	6.529.038.799
Số dư cuối năm	1.059.504.531	371.890.823	2.254.002.156	3.685.397.510

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 37.315 triệu VND (1/1/2024: 36.905 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	VND
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	28.384.673.471
Số dư cuối năm	28.384.673.471

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phần mềm máy vi tính	28.384.673.471	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Chi phí đi vay trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	302.525.158.096	5.632.991.468	308.158.149.564
Tăng trong năm	-	830.659.955	830.659.955
Phân bổ trong năm	(76.747.109.496)	(1.987.419.923)	(78.734.529.419)
Số dư cuối năm	<u>225.778.048.600</u>	<u>4.476.231.500</u>	<u>230.254.280.100</u>

**10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho:		
■ Ngân hàng và trái chủ	253.456.823.375	358.710.995.351
■ Một bên liên quan (Thuyết minh 12)	820.821.918	-
■ Các bên thứ ba (Thuyết minh 11)	-	123.928.391.508
Phí dịch vụ chuyên môn	11.718.254.000	2.225.808.000
Chi phí khác	90.665.147.378	86.707.123.588
	<u>356.661.046.671</u>	<u>571.572.318.447</u>

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho các bên thứ ba (Thuyết minh 11)	<u>55.061.479.450</u>	<u>15.614.360.274</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**11 PHẢI TRẢ KHÁC**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đặt cọc nhận được từ các bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	-	3.680.000.000.000
Cổ tức phải trả	25.942.160	25.942.160
Phải trả khác	8.227.532.099	-
	<u>8.253.474.259</u>	<u>3.680.025.942.160</u>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đặt cọc nhận được từ các bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	1.500.000.000.000	2.265.000.000.000

(\*) Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty cam kết cung cấp cho các bên thứ ba lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc nhận được theo mức được quy định trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh tương ứng (Thuyết minh 10).

**12 VAY VÀ TRÁI PHIẾU**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (a)</b>		
Vay ngắn hạn	516.000.000.000	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	2.000.701.500.000	1.846.062.500.000
	<u>2.516.701.500.000</u>	<u>1.846.062.500.000</u>
<b>Vay và trái phiếu phát hành dài hạn</b>		
Vay dài hạn (b)	12.891.947.500.000	13.338.010.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	8.650.530.066.205	10.036.997.647.424
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.000.701.500.000)	(1.846.062.500.000)
	<u>19.541.776.066.205</u>	<u>21.528.945.147.424</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**12 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)**

**(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	-	2.733.446.576.000	(2.217.446.576.000)	516.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	1.846.062.500.000	2.000.701.500.000	(1.846.062.500.000)	2.000.701.500.000
	<u>1.846.062.500.000</u>	<u>4.734.148.076.000</u>	<u>(4.063.509.076.000)</u>	<u>2.516.701.500.000</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay:	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco, một công ty con sở hữu gián tiếp	516.000.000.000	-

Khoản vay ngắn hạn từ một công ty con sở hữu gián tiếp không được đảm bảo và chịu lãi suất theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

## 12 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)

## (b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (*)	USD	2027- 2028	12.891.947.500.000	13.338.010.000.000
Trong đó:				
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			2.000.701.500.000	446.062.500.000

(\*) Khoản vay hợp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chịu lãi suất năm là SOFR + biên độ từ 2,9% đến 3,5% một năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- tiền gửi ngân hàng của Công ty;
- cổ phiếu phổ thông đã phát hành và các lợi ích liên quan của một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty; và
- được bảo lãnh bởi một công ty con sở hữu trực tiếp.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ lần lượt là 7.573.412 triệu VND và 16.962.397 triệu VND (1/1/2024: lần lượt là 7.014.088 triệu VND và 16.608.000 triệu VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**12 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)**

**(c) Trái phiếu phát hành dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

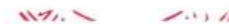
Bào lãnh phát hành	31/12/2024 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2024 Giá trị ghi sổ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương</b>				
■ Trái phiếu không đảm bảo	3.000.000.000.000	4.400.000.000.000	2027 - 2028	9,5% trong năm đầu tiên, và 3,975% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</b>				
■ Trái phiếu không đảm bảo	1.700.000.000.000	1.700.000.000.000	2027	4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>				
■ Trái phiếu không đảm bảo	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	2028	Từ 11,45% đến 11,65% một năm trong năm đầu tiên, và 4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
Trái phiếu thường dài hạn theo mệnh giá	8.700.000.000.000	10.100.000.000.000		
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(49.469.933.795)	(63.002.352.576)		
	<u>8.650.530.066.205</u>	<u>10.036.997.647.424</u>		
Trong đó: Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	1.400.000.000.000		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty bảo lãnh cho các trái phiếu phát hành của các công ty con với tổng mệnh giá là 13.299.980 triệu VND (1/1/2024: 14.439.980 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	371.660.953.096	21.636.698.301.607
Phát hành cổ phiếu phổ thông	71.186.230.000	(50.000.000)	-	-	71.136.230.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(112.294.882.144)	(112.294.882.144)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	14.308.434.060.000	8.723.077.701.079	(1.695.338.182.568)	259.366.070.952	21.595.539.649.463
Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi	745.764.700.000	5.441.529.802.182	-	-	6.187.294.502.182
Phát hành cổ phiếu phổ thông	75.082.110.000	(50.000.000)	-	-	75.032.110.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	626.222.499.951	626.222.499.951
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	15.129.280.870.000	14.164.557.503.261	(1.695.338.182.568)	885.588.570.903	28.484.088.761.596



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

## 14 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	1.512.928.087	15.129.280.870.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	1.512.928.087	15.129.280.870.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.438.351.617	14.383.516.170.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	74.576.470	745.764.700.000	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	1.512.928.087	15.129.280.870.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.438.351.617	14.383.516.170.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	74.576.470	745.764.700.000	-	-
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	14.164.557.503.261	-	8.723.077.701.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong tháng 4 năm 2024 (“Ngày hoàn tất”), Công ty đã phát hành 74.576.470 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (“CDPS”) cho BCC Meerkat, LLC và BCC Meerkat II, LLC (sau đây được gọi chung là “Nhà đầu tư”) với giá 85.000 VND/cổ phiếu, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày hoàn tất đến ngày chuyển đổi bắt buộc là 10 năm kể từ Ngày hoàn tất và theo tỷ lệ chuyển đổi 1:1. Cổ tức ưu đãi sẽ không được trả trong 5 năm đầu tiên, mỗi năm kể từ năm thứ sáu trở đi cổ tức ưu đãi được chi trả bằng 10% mệnh giá của mỗi CDPS còn lại của Nhà đầu tư. Liên quan đến việc phát hành CDPS, Công ty đã ký kết thỏa thuận với Nhà đầu tư, theo đó, Công ty cũng cam kết với Nhà đầu tư rằng Công ty sẽ nỗ lực hết sức để tìm người mua để Nhà đầu tư bán CDPS còn lại của mình với giá đã thỏa thuận trong hợp đồng khi xảy ra một số sự kiện nhất định hoặc vào thời điểm 5 năm rưỡi kể từ Ngày hoàn tất. Nhà đầu tư có thể chọn bán CDPS còn lại của Nhà đầu tư cho bất kỳ bên thứ ba nào. Trong trường hợp Nhà đầu tư không đạt được tổng số tiền thu được như đã thỏa thuận trong hợp đồng sau khi trừ đi việc bán các cổ phiếu CDPS không đủ điều kiện như đã thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty sẽ bổ sung tiền mặt để Nhà đầu tư đạt được số tiền mục tiêu như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)****14 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)**

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán (“Thỏa thuận Quyền chọn Ban đầu”). Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty (“Sự kiện Kích hoạt”), SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ có hiệu lực thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và cho đến hết năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2024, Công ty và SK đã ký một sửa đổi đối với Thỏa thuận Quyền chọn Ban đầu, trong đó:

- thời hạn thực hiện quyền chọn được gia hạn đến ngày 2 tháng 10 năm 2029; và
- nếu Sự kiện Kích hoạt xảy ra, quyền chọn có thể được thực hiện trong một hoặc nhiều lần và đối với tất cả các cổ phiếu hoặc với số lượng cổ phiếu ít hơn do SK xác định; và giá mua sẽ được xác định theo các điều khoản và điều kiện của Thỏa thuận Quyền chọn Ban đầu và các sửa đổi.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2024, SK đã đưa ra thông báo rằng SK không còn là cổ đông lớn của Công ty sau khi bán đi một số lượng cổ phiếu của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	1.430.843.406	14.308.434.060.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Phát hành CDPS	74.576.470	745.764.700.000	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông (Thuyết minh 15)	7.508.211	75.082.110.000	7.118.623	71.186.230.000
Số dư cuối năm	<u>1.512.928.087</u>	<u>15.129.280.870.000</u>	<u>1.430.843.406</u>	<u>14.308.434.060.000</u>

**15 KẾ HOẠCH VỀ QUYỀN CHỌN MUA CỔ PHẦN CHO NHÂN VIÊN**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Trong tháng 6 năm 2024, Công ty đã phát hành 7.508.211 cổ phiếu (2023: 7.118.623 cổ phiếu) cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**16 VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

**17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	55.206.406.140	14.898.946.403
Từ 2 đến 5 năm	225.510.417.605	6.666.000.000
Sau 5 năm	1.740.653.474.136	-
	<u>2.021.370.297.881</u>	<u>21.564.946.403</u>

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	207	5.034.545	220	5.265.924

**18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và các hoạt động đầu tư khác	73.940.990.110	76.909.440.616
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	2.436.894.561.719	3.299.294.828.044
Thu nhập cổ tức	786.473.248.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.196.800.000
Thu nhập khác	214.553.749.031	-
	<u>3.511.862.549.360</u>	<u>3.377.401.068.660</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và đặt cọc nhận được cho các hoạt động đầu tư	2.296.519.101.787	2.937.412.062.089
Chi phí phát hành trái phiếu	31.882.418.781	97.463.034.679
Chi phí đi vay khác	139.573.111.185	111.845.047.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.291.842.886	61.555.651.273
Chi phí khác	1.654.748.092	-
	<u>2.470.921.222.731</u>	<u>3.208.275.795.916</u>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.001.724.622	4.510.996.157
Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	412.228.247.105	318.937.507.235
	<u>415.229.971.727</u>	<u>323.448.503.392</u>

**21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	%	2024 VND	%	2023 VND
Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	100%	626.222.499.951	100%	(112.294.882.144)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20%	125.244.499.990	20%	(22.458.976.429)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2,21%	13.823.860.829	(2,37%)	2.661.583.428
Thu nhập không chịu thuế	(25,12%)	(157.294.649.700)	-	-
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận	14,25%	89.266.931.632	(17,98%)	20.193.504.714
Chuyển chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(10,82%)	(67.727.087.777)	-	-
Biến động của các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(0,53%)	(3.313.554.974)	0,35%	(396.111.713)
	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.944.944.409.992	388.988.881.998	2.300.147.623.746	460.029.524.749
Số lỗ được khấu trừ	1.679.655.677.290	335.931.135.458	1.233.321.019.128	246.664.203.826
	<b>3.624.600.087.282</b>	<b>724.920.017.456</b>	<b>3.533.468.642.874</b>	<b>706.693.728.575</b>

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	371.175.765.218
2027	Chưa quyết toán	763.638.373.877
2028	Chưa quyết toán	98.506.880.033
2029	Chưa quyết toán	446.334.658.162
		<b>1.679.655.677.290</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan nhà nước khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể đáng kể.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

## 22 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>			
Công ty TNHH The SHERPA, công ty con sở hữu trực tiếp	Góp vốn	510.000.000.000	7.131.600.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	4.617.350.000.000	3.156.100.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	1.681.600.000.000	1.794.200.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	148.837.501.618	73.231.057.537
	Chia sẻ chi phí	580.377.650	2.695.350.000
Công ty TNHH Zenith Investment, công ty con sở hữu trực tiếp	Góp vốn	2.483.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	433.000.000.000	353.200.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	786.200.000.000	100.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	14.740.489.317	2.421.101.370
	Khoản vay đã nhận	-	1.200.000.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	-	1.200.000.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay đã nhận	-	16.438.356
	Thanh toán lãi trái phiếu	457.932.613.008	229.320.449.788
	Mua chứng chỉ tiền gửi	-	131.653.205.300
	Mua dịch vụ	14.091.837.917	-
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, công ty con sở hữu gián tiếp	Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin	1.035.759.721	185.973.864
	Mua hàng	57.497.386	114.061.651
	Chia sẻ chi phí	12.891.961.056	11.372.386.989
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce, công ty con sở hữu gián tiếp	Thanh toán lãi trái phiếu	822.706.880	176.472.854.388
	Mua hàng	6.691.227.844	4.909.065.144
	Chia sẻ chi phí	15.450.060.790	19.918.209.266
Công ty TNHH Tâm nhìn Masan, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	1.472.230.000.000	33.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	1.505.230.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	26.430.985.205	24.863.014
	Khoản vay đã nhận	727.446.576.000	4.934.600.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	727.446.576.000	6.320.468.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay đã nhận	4.803.364.687	160.096.840.305
	Thanh toán lãi trái phiếu	-	12.062.315.157

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**22 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Masan Blue, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	200.500.000.000	1.661.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	6.007.500.000.000	11.550.695.383.338
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	2.142.211.915.682	3.109.626.656.816
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	500.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	500.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	87.671.232	-
	Chia sẻ chi phí	3.041.459.538	1.055.782.955
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	1.408.600.000.000	842.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	1.785.262.000.000	423.240.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	50.347.995.924	35.396.134.242
	Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	-	2.199.552.913
Công ty TNHH Vonfram Masan, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	265.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	865.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	28.091.876.712	48.000.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	70.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	70.000.000.000	-
	Mua hàng	1.018.718.405	1.259.842.307
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, công ty con sở hữu gián tiếp	Mua hàng	88.072.814	155.337.876
Công ty Cổ phần 3F VIỆT, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	90.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	90.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	3.698.631	-
Công ty Cổ phần The CrownX, công ty con sở hữu gián tiếp	Chia sẻ chi phí	15.500.057.216	212.772.569
	Thanh toán lãi trái phiếu	-	945.644.466
Công ty Cổ phần Mobicast, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	99.300.000.000	5.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	32.300.000.000	58.000.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	25.262.400.000	27.094.631.505
	Mua dịch vụ	132.615.139	113.370.694
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage, công ty con sở hữu gián tiếp	Mua hàng	356.205.457	306.404.345
	Chia sẻ chi phí	3.707.614.232	2.803.191.781



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**22 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH Masan Agri, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	-	16.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	16.000.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	-	697.191.779
	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vốn	-	2.030.991.202.463
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco, công ty con sở hữu gián tiếp	Khoản cho vay đã cấp	45.000.000.000	2.151.800.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	45.000.000.000	2.151.800.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	880.027.398	2.803.191.781
	Khoản vay đã nhận	516.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay đã nhận	820.821.918	-
	Mua hàng	23.940.000	28.936.000
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Techcombank và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	-	1.500.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	-	15.000.000.000
	Bán chứng khoán kinh doanh	609.860.945.499	3.673.383.304.828
	Mua chứng khoán kinh doanh	609.860.945.499	3.573.153.989.828
	Thu nhập cổ tức	786.473.248.500	-
	Chia sẻ chi phí	5.511.037.620	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt (**)	<u>52.184.675.464</u>	<u>44.233.867.573</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các công ty con và các công ty liên kết của Công ty nắm giữ lần lượt 4.426.750 triệu VND và 60.000 triệu VND (1/1/2024: lần lượt là 5.465.750 triệu VND và 647.181 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

- (\*) Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.
- (\*\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty không hưởng thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**

**22 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, từng thành viên trong Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm là:

Tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên	-	-
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên (đến ngày 8 tháng 10 năm 2024)	-	-
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	-	-
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
<b>Ủy ban Kiểm toán</b>			
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
<b>Tổng Giám đốc</b>			
Ông Danny Le			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>		21.788.879.333	14.686.264.410



**23 SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Huy Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc

